TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 6- THANH HOÁ Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 58 /2026/HS- ST
Ngày 18 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Khắc Tấn; ông Hoàng Đình Cường
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh, là Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 6- Thanh Hóa
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) khu vực 6- Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 6 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2026/TLST- HS ngày 15 tháng 7 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1027/2026/QĐXXST- HS ngày 31/7/2026 đối với bị cáo:

BÙI VĂN T, sinh ngày 20/10/1985, tại Thanh Hoá; Cư trú tại: Thôn N, xã H, tỉnh Thanh Hóa; CCCD số: 038085009768; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn B (đã chết); Con bà: Bùi Thị H (đã chết); Vợ: Bùi Thị H1 (đã ly hôn), con: có 03 con: con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 28/10/2016 bị TAND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong bản án; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/4/2026 đến ngày 27/4/2026 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam trại Phân trại tạm giam Hà T1 (cơ sở 1) (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T2 - Trợ giúp viên pháp lý (TGVPL) thuộc trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

Địa chỉ: Số C Đại Lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt có lý do);

Bị hại: Công ty L1

Địa chỉ trụ sở chính: V tầng A, Tòa nhà C, B N, phường K, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ H2, chức vụ: Chủ tịch HĐQT (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1975

Cư trú tại: Tổ dân phố E, phường Q, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

Người làm chứng: Ông Nguyễn Minh G, sinh năm 1969 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T do cần tiền tiêu sài cá nhân nên nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản tại công trình xây dựng dự án "Nhà máy chế tạo cầu và kết cấu thép Yada" của Công ty TNHH một thành viên X (công ty Y) tại Khu công nghiệp B, thuộc xã H, tỉnh Thanh Hóa, Công trình này do Công ty Cổ phần L1 (Công ty L1) làm nhà thầu thi công. Sáng ngày 16/4/2026, T chuẩn bị 01 Kìm cộng lực, 01 cờ lê và 01 đoạn dây màu xanh dài 05m bỏ vào 01 chiếc cặp màu đen rồi để lên xe ô tô Daihatsu BKS: 29S - 6855 của T. Trưa cùng ngày, T điều khiển xe ô tô đi vòng quanh khu công nghiệp B khảo sát tình hình, tìm vị trí đậu xe ô tô để thuận lợi trộm cắp tài sản. Khảo sát xong, T trở về nhà. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô quay lại khu công nghiệp B, tháo biển số xe bỏ vào trong xe ô tô, điều khiển xe đến đoạn đường phía Bắc công ty Y, đỗ xe bên đường. T cầm theo chiếc cặp màu đen, đi bộ dọc tường rào về phía cổng công ty, T trèo qua rào chắn vào bên trong khuôn viên rồi đi tới xưởng của công ty. T dùng cờ lê cạy mở được cửa xưởng, T vào bên trong xưởng, trèo lên giá đỡ trên cao dùng kìm cắt dây cáp điện trên giá. Thịnh cắt 03 dây cáp điện, mỗi dây cắt 03 đoạn, mỗi đoạn khoảng 8m rồi thả xuống nền nhà xưởng. Sau đó, T trèo xuống cắt cáp điện đã thả xuống thành các đoạn từ 1,3m đến 2,5m. Sau khi cắt các đoạn dây điện, T lấy dây để trong xưởng buộc lại từng bó, mỗi bó từ 03 đến 05 đoạn cáp, rồi vác ra bên ngoài khu rào chắn gần xe ô tô. T cất giấu một số bó cáp điện vào trong bụi rậm gần tường rào phía T công ty, số bó còn lại T tháo dây buộc, đưa từng đoạn cáp điện ra ngoài qua các mắt lưới thép tường rào, rồi T trèo qua tường rào ra ngoài, bó lại và đưa vào trong ô tô. Đến khoảng 04 giờ ngày 17/04/2026, T đưa được khoảng hơn 10 đoạn cáp điện vào trong ô tô thì thấm mệt nên cởi áo ra ngồi nghỉ. Khi T đang ngồi nghỉ thì thấy ông Nguyễn Minh G là bảo vệ khu công nghiệp B đi xe máy lại, soi đèn vào mặt và hỏi "làm gì ở đây", T nói dối là "xe em hỏng". Nhưng ông G nhìn thấy dây cáp điện trong xe ô tô nên giữ T lại thì T vung ra và bỏ chạy về phía đồi dứa gần đó trốn. Đến chiều ngày 17/4/2026, khi T đang ngồi uống nước tại phường Q, tỉnh Thanh Hóa cùng anh rể là Phạm Văn L nhà ở thôn N, xã H, tỉnh Thanh Hóa thì được cơ quan công

an mời về trụ sở để làm việc. Tại cơ quan Công an, Bùi Văn T đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan CSĐT tiến hành khám nghiệm hiện trường phát hiện trong nhà xưởng công ty Y có 05 dây cáp điện lắp đặt vào hộp tụ điện đặt dưới đất, kéo dài và treo lên giá đỡ bằng kim loại phía Bắc nhà xưởng, dọc theo hướng Đ - Tây đã bị cắt mất một phần tại vị trí trên giá đỡ, mỗi dây bị cắt mất khoảng 29m. Thu giữ tại khu đất trống của công ty Y và trong xe ô tô T bỏ lại tổng số 37 (Ba bảy) đoạn cáp điện, lõi kim loại màu vàng đồng. Trong đó có 09 đoạn có đường kính 5cm, in ký hiệu "0,6/1KV CU/XLPE/PVC 3x120+1x70 SQMN" với tổng chiều dài là 16,54m; 28 đoạn có đường kính 3,1cm, in ký hiệu "0,6/1KV CU/XLPE/PVC 3x95+1x50 SQMN" với tổng chiều dài là 53,57m.

* Kết quả định giá tài sản:

Ngày 23/4/2026 Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự xã H, tỉnh Thanh Hóa có Bản kết luận định giá tài sản số 06/KLHĐĐGTS, kết luận:

- 09 (Chín) đoạn cáp điện có đường kính 5cm, in ký hiệu "0,6/1KV CU/XLPE/PVC 3x120+1x70 SQMN" với tổng chiều dài là 16,54m. Tại thời điểm định giá có giá trị là 19.000.000 đồng;

- 28 (Hai tám) đoạn cáp điện có đường kính 3,1cm, in ký hiệu "0,6/1KV CU/XLPE/PVC 3x95+1x50 SQMN" với tổng chiều dài là 53,57m. Tại thời điểm định giá có giá trị là 52.000.000 đồng.

Tổng giá trị định giá của 37 đoạn cáp điện nêu trên là 71.000.000 đồng (Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT)

* Về thu giữ tạm giữ đồ vật, tài sản; xử lý vật chứng:

- Đối với 37 đoạn cáp điện, sau khi định giá tài sản, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Công ty LEPRO là đúng quy định.

- Đối với các tài sản, đồ vật liên quan đã thu giữ phục vụ quá trình điều tra gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu DAIHATSU màu xanh, không gắn biển số, đã qua sử dụng, bên trong xe có 02 biển số xe ô tô cùng số 29S-6855, 01 chiếc xà beng, 01 căn cước công dân của Bùi Văn T, 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô BKS 29S-6855; 01thùng bìa cát tông bên trên có viết chữ "vị trí số 2" được dán kín niêm phong, bên trong có 01 cặp màu đen, 01 chiếc cờ lê, 01 chiếc kìm cộng lực, 01 chiếc quần sóoc bò màu xanh và 01sợi dây màu xanh; 01 chai nhựa dán nhãn "Revive". Cơ quan CSĐT tiếp tục bảo quản, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

* Về dân sự: Công ty L1 yêu cầu Bùi Văn T bồi thường cho Công ty số tiền thiệt hại theo kết quả định giá tài sản là 71.000.000 đồng, trừ đi số tiền công ty thu được khi bán số đoạn cáp điện nhận lại sau giám định là 10.000.000 đồng (bán phế liệu do không sử dụng được nữa), T còn phải bồi thường 61.000.000 đồng. Ngoài

ra, Công ty L1 không yêu cầu Bùi Văn T phải bồi thường công khắc phục lắp đặt lại dây cáp điện do bị cắt. Đến nay, Bùi Văn T chưa thực hiện việc bồi thường.

* Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKSKV6 ngày 15 tháng 7 năm 2026 của VKSND khu vực 6- Thanh Hoá truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa Đại diện VKS duy trì công tố giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS, tuyên phạt bị cáo Bùi Văn T từ 30 đến 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 18/4/2026.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) đề nghị:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 xe ô tô nhãn hiệu DAIHATSU màu xanh, không gắn biển số, đã qua sử dụng, bên trong xe có 02 biển số xe ô tô cùng số 29S-6855.

+ Tịch thu tiêu huỷ: 01 thùng bìa cát tông bên trên có viết chữ “vị trí số 2” được dán kín niêm phong, bên trong có 01 cặp màu đen, 01 chiếc quần sóoc bò màu xanh, 01 chiếc cờ lê, 01 chiếc kìm cộng lực, 01 sợi dây màu xanh; 01 chai nhựa dán nhãn “Revive”.

+ Trả lại cho bị cáo: 01 chiếc xà beng, 01 căn cước công dân của Bùi Văn T và 1 Hợp đồng mua bán xe ô tô BKS 29S-6855

- Về trách nhiệm dân sự: Công ty L1 yêu cầu Bùi Văn T bồi thường cho Công ty số tiền thiệt hại theo kết quả định giá tài sản là 71.000.000 đồng, trừ đi số tiền công ty thu được khi bán số đoạn cáp điện nhận lại sau giám định là 10.000.000 đồng, T còn phải bồi thường 61.000.000 đồng.

* Án phí: Bị cáo là người thuộc hộ nghèo nên đề nghị miễn án phí DSST và án phí HSST cho bị cáo.

* Trợ giúp viên pháp lý (TGVPL) Nguyễn Thị Ngọc T2 vắng mặt và có bài phát biểu thể hiện quan điểm bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo như sau:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử hôm nay các Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự theo quy định của BLTTHS. Do đó TGVPL không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Về tội danh: Bị cáo Bùi Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo thống nhất với bản kết luận điều tra cũng như Cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố. Vì vậy TGVP cũng không có thêm ý kiến gì.

Về trách nhiệm hình sự (TNHS) và hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Tuy nhiên, với tư cách là người bào chữa, TGVPL thực hiện nghĩa vụ bào chữa cho bị cáo trên cơ sở đưa ra nhưng quan điểm của mình với mục đích để Chủ toạ xem xét, cân nhắc về cá thể hóa hành vi khi đánh giá chứng cứ cũng như hoàn cảnh, nguyên nhân, các tình tiết giảm nhẹ để có một phán quyết chính xác đúng khung hình phạt đảm bảo cả hai yêu cầu: vừa trừng phạt nghiêm khắc người phạm tội vừa bảo đảm giáo dục cải tạo theo chính sách nhân đạo của pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Về nguyên nhân, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Do suy nghĩ chưa chín chắn, lại cần tiền tiêu xài nên bị cáo trong lúc nông nổi đã nảy sinh ý định xấu. Bị cáo đã không ý thức được tính nguy hiểm cho xã hội từ hành vi phạm tội của mình và hậu quả mà bị cáo phải đối diện từ hành vi vi phạm pháp luật mà mình đã gây ra. Bên cạnh đó để bị cáo thực hiện được hành vi phạm tội của mình cho thấy lỗi một phần do sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản để bị cáo có điều kiện thực hiện hành vi phạm tội.

Về các tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo một cách rõ ràng toàn bộ diễn biến của vụ án, đã thực sự nhận ra lỗi lầm của mình, tha thiết mong muốn cho bị cáo cơ hội để tự sửa chữa lỗi lầm của mình nên bị cáo đủ điều kiện để được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên. TGVPL kính đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51 BLHS để tuyên bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản và tuyên bị cáo mức án thấp nhất theo đề xuất của Kiểm sát viên để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, sớm trở về với gia đình và xã hội.

Về án phí và vật chứng: Đề nghị HĐXX xem xét theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, VKSND khu vực 6 - Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Trong quá trình điều tra bị cáo, người bào chữa, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng nêu trên đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, TGVPL Nguyễn Thị Ngọc T2 là người bào chữa cho bị cáo vắng mặt. Tuy nhiên, người bào chữa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi bài bào chữa thể hiện quan điểm bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo. Xét thấy, việc vắng mặt của người bào chữa không gây trở ngại cho việc xét xử, bị cáo không đề nghị hoãn phiên tòa để bảo đảm quyền bào chữa, đồng thời các nội dung bào chữa của TGVPL đã được thể hiện bằng văn bản trong hồ sơ vụ án và được công bố tại phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 291 BLTTHS, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đối với bị hại Công ty L1: Người đại diện theo pháp luật là ông Vũ H2 có đơn xin vắng mặt. Trong quá trình điều tra, đại diện bị hại đã có lời khai đầy đủ, đồng thời đã trình bày cụ thể yêu cầu về trách nhiệm dân sự. Xét thấy sự vắng mặt của đại diện bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử và việc giải quyết vụ án, nên căn cứ Điều 292 BLTTHS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đại diện bị hại.

Đối với người làm chứng ông Nguyễn Minh G vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy lời khai của người làm chứng đã được lấy trong quá trình điều tra và có trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án, bị cáo không có yêu cầu triệu tập người làm chứng để đối chất hoặc làm rõ thêm các tình tiết của vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 293 BLTTHS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã chuẩn bị phương tiện, công cụ như xe ô tô, kìm cộng lực, cờ lê, dây buộc, lợi dụng đêm tối đột nhập vào công trình xây dựng do Công ty L1 thi công để cắt và chiếm đoạt 37 đoạn cáp điện có tổng giá trị 71.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy,

VKSND khu vực 6 - Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo có sự chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội từ trước, khảo sát địa điểm, lựa chọn thời gian ban đêm để thực hiện hành vi nhằm tránh sự phát hiện của người khác, thể hiện tính chất liều lĩnh và quyết tâm phạm tội. Bị cáo là người trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, có đầy đủ khả năng lao động để tạo thu nhập hợp pháp để tự lao động nuôi sống bản thân nhưng vì không tu chí làm ăn, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó HĐXX thấy, cần xử nghiêm đối với bị cáo, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS. Mặc dù năm 2016 bị TAND huyện Hà Trung xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng bị cáo đã chấp hành xong Bản án và được xóa án tích nên không coi là tiền án.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bố mẹ đã chết, đã ly hôn vợ và có các con chưa thành niên; bị cáo là người thuộc hộ nghèo. Đây không phải là những tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại Điều 51 BLHS, song HĐXX xem xét khi cá thể hoá hình phạt đối với bị cáo.

Sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, giảm nhẹ TNHS, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổi sung: Theo khoản 5 Điều 173 BLHS, bị cáo có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, thuộc hộ nghèo, hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trôm cắp thuộc sở hữu của Công ty L1, Công ty L1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 61.000.000 đồng, là giá trị thiệt hại còn lại sau khi đã trừ số tiền 10.000.000 đồng thu được từ việc bán phế liệu cáp điện. Yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS, các Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586 và 589 Bộ luật Dân sự nên cần buộc bị cáo bồi thường cho Công ty L1 số tiền 61.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Đối với 37 đoạn cáp điện đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định pháp luật nên miễn xét.

- Xe ô tô DAIHATSU, màu xanh: Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu DAIHATSU màu xanh, đã qua sử dụng, tại thời điểm thu giữ không gắn biển kiểm soát và 02 biển số xe ô tô cùng số 29S-6855: Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô trên thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của bị cáo Bùi Văn T. Ngày 16/4/2026, bị cáo đã sử dụng xe ô tô để đi khảo sát địa điểm, chuẩn bị thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; sau đó tiếp tục sử dụng xe để đến khu vực công ty Y, tháo biển số xe cất vào trong xe nhằm che giấu phương tiện, vận chuyển số cáp điện đã chiếm đoạt. Như vậy, chiếc xe ô tô là phương tiện bị cáo sử dụng trực tiếp vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, có căn cứ xác định chiếc xe ô tô DAIHATSU và 02 biển số xe số 29S-6855 là phương tiện trực tiếp liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Sợi dây màu xanh, kìm cộng lực, cờ lê là công cụ phục vụ trực tiếp vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

- Quần soóc, cặp màu đen, chai nhựa Revive không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

- CCCD của T và hợp đồng mua bán xe: đây là giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh nguồn gốc tài sản, xà beng không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[8] Các tình tiết khác:

Chiếc xe ô tô nhãn hiệu DAIHATSU màu xanh, BKS 29S-6855 Thịnh sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản là xe đăng ký tên anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1979, trú tại thôn L, xã Đ, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên vào đầu năm 2026, anh H3 đã bán cho anh Hoàng Quốc T4, sinh năm 1992, trú tại Phố P, phường Q, tỉnh Thanh Hóa, làm nghề sửa chữa xe ô tô và ngày 14/4/2026, anh T4 đã bán lại cho Bùi Văn T. Qua tra cứu xe không phải là tang vật của vụ án, vụ việc nào khác.

- Theo kết quả điều tra và báo cáo của bị hại, dây cáp điện được lắp đặt vào hộp tụ điện đặt dưới đất, kéo dài và treo lên giá đỡ bằng kim loại phía Bắc nhà xưởng để cấp điện cho các thiết bị máy móc trong nhà xưởng khi đi vào hoạt động. Tuy nhiên chưa lắp đặt vào máy móc thiết bị nào nên việc cắt trộm dây cáp điện của Bùi Văn T không làm hư hỏng đến máy móc thiết bị nào của công trình. Do đó, không có căn cứ để xem xét TNHS về tội huỷ hoại hoặc làm hư hỏng tài sản đối với Bùi Văn T.

[9] Án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ:*

- Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48, Điều 50 Bộ luật hình sự ;

- Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản"

3. *Xử phạt:* Bùi Văn T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 18/4/2026.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Văn T bồi thường cho Công ty Cổ phần L1 số tiền 61.000.000 đồng (sáu mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

5. Về xử lý vật chứng:

5.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 xe ô tô nhãn hiệu DAIHATSU màu xanh, không gắn biển kiểm soát, kèm theo 02 biển số xe 29S-6855;

5.2. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 thùng bì cat tông bên trên có viết chữ “Vị trí số 2” và được dán kín bởi giấy niêm phong bên trong gồm: 01 cặp màu đen; 01 quần soóc bò màu xanh; 01 sợi dây màu xanh; 01 cờ lê; 01 kìm cộng lực.

- 01 chai nhựa nhãn "Revive";

5.3. Trả lại cho bị cáo: 01 Căn cước công dân mang tên Bùi Văn T và 01 hợp đồng mua bán xe ô tô, 01 xà beng.

(Theo Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu số 6214/QĐ-VPCQCSĐT ngày 17/4/2026)

6. *Án phí hình sự sơ thẩm và án phí DSST:* Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn T vì thuộc hộ nghèo.

7. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt Trợ giúp viên pháp lý và bị hại. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/8/2026); Bị hại Công ty Cổ phần L1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật./.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 6;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;*
- *CQĐT công an tỉnh Thanh Hoá;*
- *CQ Thi hành án hình sự;*
- *THA Dân sự tỉnh Thanh Hoá;*
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Trợ giúp pháp lý;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TỐNG THỊ HÀ